TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-9-2024.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Dình.

Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1977, địa chỉ: Số nhà 244/7, Ấp 7, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Tạm trú: Số nhà 239/7, ấp T, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969, địa chỉ: Số nhà 244/7, Ấp 7, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Phạm Thị N là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Bà N và ông H sống chung với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2002. Bà N và ông H chung sống không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N và ông H không hợp nhau, bất đồng ý kiến. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà N quyết định ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Phước A, sinh năm 2000 và Nguyễn Công V, sinh năm 2003, hiện nay hai con đều đã trưởng thành, nên bà N không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà N và ông H có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N cam kết là bà N và ông H không có nợ chung.

Ông Nguyễn Văn H là bị đơn không tham gia tố tụng, không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà N.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn H sống chung với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào năm 2002. Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông H, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Bà Phạm Thị Năm có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Năm và ông Nguyễn Văn H.

[3] Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Năm và ông H không hợp nhau, bất đồng ý kiến. Bà N và ông H không còn sống chung đến nay khoảng 01 năm. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N ly hôn với ông H.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Phước A, sinh năm 2000 và Nguyễn Công V, sinh năm 2003, hiện nay hai con đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị N, cho bà Phạm Thị N ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008800, ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Tùng